Trường THPT HUỲNH VĂN NGHỆ
Học kỳ 1
Năm học 2025-2026

SỐ 6

Thời khóa biểu lớp học 2 buổi
Có giá trị từ ngày 03/11/2025

Ngày	Buổi	Tiết	10.1	10.2	10.3	10.4	10.5	10.6	10.7	10.8	10.9	10.10	10.11
Thứ 2	Sáng	1	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng	HĐTN- Phùng
		2	Sinh hoạt - My	Sinh hoạt - N.Thanh	Sinh hoạt - Q.Vinh	Sinh hoạt - Hiền	Sinh hoạt - Linh	Sinh hoạt - D. Phong	Sinh hoạt - B.Thảo	Sinh hoạt - An (H)	Sinh hoạt - Tú	Sinh hoạt - Nhung	Sinh hoạt - Th. Hằng
		3	Hóa - N.Thanh	Sinh - Mỹ Linh	Sinh - Nhung	Anh - Hiền	Tin - Th.Trúc	Anh - Khánh	Địa - Chung	Văn - Trang (V)	GDKTPL - Th. Hằng	Văn - Thanh	Toán - An (T)
		4	Sử - Phùng	Toán - Tuyền	Văn - Linh	Lí - K.Trang	Lí - Loan	Hóa - N.Thanh	Tin - Th.Trúc	Văn - Trang (V)	Địa - Chung	Văn - Thanh	GDKTPL - Th. Hằng
		5											
	Chiều	1	Toán CĐ - B.Thảo	Lí CĐ - K.Trang			HĐTN - Nhi	Toán CĐ - Hồ	GDĐP - Thanh	Văn CĐ - Trang (V)		GDĐP - Uyên	
		2	Lí CĐ - K.Trang	GDQP - Khiêm	TD - Đức	Văn CĐ - Uyên	Toán CĐ - B.Thảo	Văn CĐ - My	HĐTN - Q.Vinh	GDĐP - Th. Hằng	Toán CĐ - Hồ	HĐTN - Nhung	Toán CĐ - An (T)
		3	Văn CĐ - My		Văn CĐ - Linh	TD - Tú	GDQP - Khiêm	Hóa CĐ - N.Thanh	Văn CĐ - Uyên	TD - D. Phong	GDĐP - Th. Hằng	Sinh CĐ - Nhung	Văn CĐ - Thanh
		4	GDĐP - Thơm		Lí CĐ - K.Trang	HĐTN - Loan	Văn CĐ - Linh	HĐTN - Nhi		Hóa CĐ - An (H)	HĐTN - Q.Vinh		GDĐP - Uyên
		5											
Thứ 3	Sáng	1	Lí - T.Phong	Hóa - N.Thanh	Lí - Loan	Văn - Uyên	Hóa - An (H)	Địa - T. Thảo	Địa - Chung	Sử - Hậu	Anh - Thành	Sinh - Nhung	Tin - Th.Trúc
		2	Sinh - Mỹ Linh	Sử - Phùng	Văn - Linh	Văn - Uyên	Địa - T. Thảo	Hóa - N.Thanh	Hóa - An (H)	Địa - Chung	Anh - Thành	Tin - Th.Trúc	Sử - Hậu
		3	Văn - My	Lí - K.Trang	Anh - Khánh	Toán - Thi	Văn - Linh	Tin - Th.Trúc	Lí - T.Phong	Anh - C.Vân	Hóa - N.Thanh	Sinh - Nhung	Địa - Chung
		4	Văn - My	Tin - Q.Trúc	Anh - Khánh	Hóa - Lai	Văn - Linh	Toán - Hồ	Lí - T.Phong	Anh - C.Vân	Sử - Hậu	Địa - Chung	Sinh - Nhung
		5											
	Chiều	1	GDQP - Khiêm		HĐTN - Q.Vinh					GDQP - Thủy			
		2	HĐTN - Nhi		Toán CĐ - Loan (T)	GDQP - Khiêm			HĐTN - Q.Vinh	Toán CĐ - An (T)			
		3			HĐTN - Q.Vinh	Toán CĐ - Thi			TD - T.Hòa				
		4				TD - Tú			TD - T.Hòa				
		5											
Thứ 4	Sáng	1	Anh - Thành	Sinh - Mỹ Linh	Sinh - Nhung	Anh - Hiền	Tin - Th.Trúc	Anh - Khánh	Văn - Uyên	Hóa - An (H)	Hóa - N.Thanh	Toán - Loan (T)	Địa - Chung
		2	Hóa - N.Thanh	Toán - Tuyền	Lí - Loan	Anh - Hiền	Hóa - An (H)	Anh - Khánh	Toán - B.Thảo	Toán - An (T)	Anh - Thành	Địa - Chung	Sinh - Nhung
		3	Toán - Lan	Văn - Thơm	Toán - Loan (T)	Toán - Thi	Anh - Khánh	Lí - Loan	Anh - Thành	Văn - Trang (V)	Sinh - Hồ	Anh - Hiền	Văn - Thanh
		4	Toán - Lan	Văn - Thơm	Toán - Loan (T)	Sử - Phùng	Anh - Khánh	Lí - Loan	Tin - Th.Trúc	Anh - C.Vân	Sinh - Hồ	Anh - Hiền	Toán - An (T)
		5											
	Chiều	1		GDĐP - Thơm			HĐTN - Nhi		Toán CĐ - B.Thảo		Hóa CĐ - N.Thanh	HĐTN - Nhung	
		2		Toán CĐ - Tuyền		GDĐP - V.Vinh	GDĐP - Linh		Hóa CĐ - An (H)		TD - Tú	GDQP - Thủy	Sinh CĐ - Nhung
		3		Văn CĐ - Thơm		Hóa CĐ - Lai	Hóa CĐ - N.Thanh		GDQP - Thủy		Văn CĐ - Trang (V)		TD - T.Hòa
		4				HĐTN - Loan					GDQP - Thủy		TD - T.Hòa
		5											
Thứ 5	Sáng	1	Văn - My	Anh - C.Vân	Tin - Q.Trúc	Toán - Thi	Sử - Phùng	Tin - Th.Trúc	Văn - Uyên	Địa - Chung	Văn - Trang (V)	GDKTPL - Th. Hằng	Văn - Thanh
		2	Toán - Lan	Văn - Thơm	Sử - Phùng	Tin - Q.Trúc	Lí - Loan	Địa - T. Thảo	Văn - Uyên	GDKTPL - Th. Hằng	Văn - Trang (V)	Sử - Hậu	Văn - Thanh
		3	Anh - Thành	Tin - Q.Trúc	Toán - Loan (T)	Địa - T. Thảo	Toán - Lan	Văn - My	Sử - Hậu	Toán - An (T)	GDKTPL - Th. Hằng	Tin - Th.Trúc	Anh - Khánh
		4	Anh - Thành	Toán - Tuyền	Tin - Q.Trúc	Địa - T. Thảo	Toán - Lan	Văn - My	Toán - B.Thảo	Toán - An (T)	Toán - Hải	Văn - Thanh	Anh - Khánh
		5											
	Chiều	1		HĐTN - Q.Vinh	TD - Đức					TD - D. Phong		Văn CĐ - Thanh	
		2	HĐTN - Nhi	HĐTN - Q.Vinh	GDQP - Khiêm			TD - D. Phong		HĐTN - An (H)	TD - Tú	Toán CĐ - Loan (T)	
		3	TD - Tú	TD - T.Hòa	GDĐP - V.Vinh			GDĐP - Thanh		HĐTN - An (H)	HĐTN - Q.Vinh	TD - Đức	
		4	TD - Tú	TD - T.Hòa				GDQP - Khiêm				TD - Đức	
		5											
Thứ 6	Sáng	1	Lí - T.Phong	Lí - K.Trang	Anh - Khánh	Tin - Q.Trúc	Văn - Linh	Toán - Hồ	Anh - Thành	Hóa - An (H)	Toán - Hải	Anh - Hiền	Tin - Th.Trúc
		2	Tin - Q.Trúc	Anh - C.Vân	Văn - Linh	Lí - K.Trang	Địa - T. Thảo	Toán - Hồ	Anh - Thành	GDKTPL - Th. Hằng	Toán - Hải	Toán - Loan (T)	Toán - An (T)
		3	Sinh - Mỹ Linh	Anh - C.Vân	Hóa - Q.Anh	Hóa - Lai	Anh - Khánh	Sử - Phùng	Hóa - An (H)	Sinh - Hồ	Địa - Chung	Toán - Loan (T)	GDKTPL - Th. Hằng
		4	Tin - Q.Trúc	Hóa - N.Thanh	Hóa - Q.Anh	Văn - Uyên	Toán - Lan	Văn - My	Toán - B.Thảo	Sinh - Hồ	Văn - Trang (V)	GDKTPL - Th. Hằng	Anh - Khánh
		5											
	Chiều	1											GDQP - Thủy
		2						HĐTN - Nhi					HĐTN - Th. Hằng
		3					TD - Đức	TD - D. Phong					HĐTN - Th. Hằng
		4					TD - Đức						
		5											
Thứ 7	Sáng	1											
		2											
		3											
		4											
		5											
	Chiều	1											
		2											
		3											
		4											
		5											

Ngày	Buổi	Tiết	11.1	11.2	11.3	11.4	11.5	11.6	11.7	11.8	11.9	11.10	11.11	11.12
Thứ 2	Sáng	1	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước	HĐTN- Phước
		2	Sinh hoạt - Lan	Sinh hoạt - Th..Mai	Sinh hoạt - An (T)	Sinh hoạt - Hồ	Sinh hoạt - Hiếu	Sinh hoạt - Sơn	Sinh hoạt - Y.Trang	Sinh hoạt - Loan (T)	Sinh hoạt - V.Vinh	Sinh hoạt - Khánh	Sinh hoạt - Hồ	Sinh hoạt - Vi
		3	Lí - Loan	Văn - Uyên	Hóa - Y.Trang	Anh - Thành	Địa - Lý	Văn - T. Nga	Địa - T. Thảo	Lí - Hiếu	Văn CĐ - V.Vinh	Toán - Lan	Sinh - Hồ	Toán CĐ - Hồ
		4	Toán - Lan	Văn - Uyên	Văn - My	Anh - Thành	Văn - T. Nga	Toán - B.Thảo	Văn CĐ - Duyên	Toán - Loan (T)	Văn - V.Vinh	Anh - Khánh	Toán - N.Hòa	Sinh - Vi
		5	Tin - Th.Trúc	Văn CĐ - Uyên	Văn - My	Lí - Loan	Anh - Th..Mai	Lí - Sơn	Văn - Duyên	Toán CĐ - Loan (T)	Toán CĐ - B.Thảo	Anh - Khánh	Địa - T. Thảo	Văn - T. Nga
	Chiều	1		GDQP - Thủy				GDĐP - T. Nga	Sử - Hậu			Sử - Phùng		GDQP - Khiêm
		2		HĐTN - Nhi	Lí CĐ - Loan	Hóa CĐ - N.Thanh		Sử - Thảo	Sử - Hậu	Sử - Phùng		TD - T.Hòa		HĐTN - Vi
		3		Sử - Hậu	HĐTN - An (T)	GDĐP - Trang (V)		TD - Đức	Địa CĐ - T. Thảo	Sử - Phùng		HĐTN - Nhi		Sử - Thảo
		4			TD - D. Phong	HĐTN - Trị			GDĐP - T.Tài	GDQP - Thủy				
		5												
Thứ 3	Sáng	1	Văn - Trang (V)	Lí - Sơn	Văn - My	Toán - Hồ	Toán - Dũng	Văn - T. Nga	Văn - Duyên	Địa - Lý	GDKTPL - Hương	Văn - V.Vinh	Sinh - Hồ	Anh - Quyên
		2	Văn - Trang (V)	Hóa - Q.Anh	Văn CĐ - My	Toán - Hồ	Lí - Hiếu	Văn - T. Nga	Văn - Duyên	GDKTPL - Hương	Anh - Quyên	Văn - V.Vinh	Toán CĐ - N.Hòa	CNCN - P.Thảo
		3	Sinh - Vi	Văn - Uyên	Lí - Loan	Văn - T. Nga	Tin - M.Thu	Hóa - Hằng	Toán - N.Hòa	Anh - Thành	Địa - T. Thảo	Lí - Hiếu	CNCN - P.Thảo	Hóa - Q.Anh
		4	Lí - Loan	Tin - M.Thu	Sinh - Hồ	Hóa - N.Thanh	Văn CĐ - T. Nga	Địa - Lý	Hóa - Y.Trang	Anh - Thành	Tin - Th.Trúc	Lí - Hiếu	Địa - T. Thảo	Sinh - Vi
		5												
	Chiều	1	HĐTN - Nhi	GDĐP - Trang (V)	Sử - Hậu	TD - D. Phong	GDĐP - T. Nga	TD - Đức			TD - T.Hòa	Sử - Phùng	Sinh CĐ - Vi	TD - Tú
		2	Sử - Hậu	TD - Đức	GDĐP - Trang (V)	GDQP - Thủy	TD - D. Phong	Sử - Thảo			TD - T.Hòa	Sử CĐ - Phùng	GDĐP - T. Nga	TD - Tú
		3	GDĐP - Trang (V)	HĐTN - Nhi	HĐTN - An (T)	Sử - Hậu		GDQP - Thủy	TD - Đức		Sử - Phùng	GDQP - Khiêm	TD - Tú	Sử - Thảo
		4			GDQP - Thủy				TD - Đức		Sử - Phùng			
		5												
Thứ 4	Sáng	1	Văn - Trang (V)	Tin - M.Thu	Sinh - Hồ	Văn CĐ - T. Nga	Lí - Hiếu	Toán - B.Thảo	Anh - Quyên	GDKTPL - Hương	Lí - Sơn	Toán - Lan	Anh - Th..Mai	Địa - T. Thảo
		2	Tin - Th.Trúc	Sinh - Hồ	Tin - M.Thu	Toán - Hồ	Toán - Dũng	Văn CĐ - T. Nga	Anh - Quyên	Toán - Loan (T)	GDKTPL - Hương	Toán - Lan	Anh - Th..Mai	CNCN - P.Thảo
		3	Sinh - Vi	Anh - Th..Mai	Toán - An (T)	Địa - Lý	Hóa - Y.Trang	Anh - Hà	CNCN - P.Thảo	Văn CĐ - Uyên	Địa - T. Thảo	GDKTPL - Hương	Văn - My	Văn - T. Nga
		4	Hóa - Hằng	Anh - Th..Mai	Hóa - Y.Trang	Anh - Thành	Toán - Dũng	Anh - Hà	GDKTPL - Hương	Địa - Lý	Lí - Sơn	Địa - T. Thảo	Văn - My	Văn - T. Nga
		5												
	Chiều	1	Lí CĐ - Loan				TD - D. Phong			TD - T.Hòa		GDĐP - T. Nga	Sử - Hậu	HĐTN - Vi
		2	Sử - Hậu	Lí CĐ - Loan		TD - D. Phong	Sử - Thảo	Hóa CĐ - Hằng		HĐTN - Trị	GDĐP - Trang (V)	TD - T.Hòa	GDQP - Khiêm	GDĐP - T. Nga
		3	TD - Tú	TD - Đức		Sử - Hậu	Sử - Thảo	HĐTN - Sơn		HĐTN - Trị	GDQP - Khiêm	HĐTN - Nhi		Sinh CĐ - Vi
		4	TD - Tú	Sử - Hậu		HĐTN - Trị	Hóa CĐ - Y.Trang	HĐTN - Sơn		GDĐP - T.Tài				
		5												
Thứ 5	Sáng	1	Toán - Lan	Toán CĐ - Loan (T)	Toán - An (T)	Tin - M.Thu	Anh - Th..Mai	Anh - Hà	Địa - T. Thảo	Anh - Thành	Toán - B.Thảo	Anh - Khánh	Toán - N.Hòa	Toán - Hồ
		2	Anh - Thành	Toán - Loan (T)	Toán - An (T)	Địa - Lý	Anh - Th..Mai	Tin - M.Thu	Anh - Quyên	Tin - Th.Trúc	Toán - B.Thảo	GDKTPL - Hương	Hóa - Hằng	Toán - Hồ
		3	Hóa - Hằng	Hóa - Q.Anh	Anh - Hà	Lí - Loan	Tin - M.Thu	Địa - Lý	Toán CĐ - N.Hòa	Văn - Uyên	Anh - Quyên	Văn CĐ - V.Vinh	Anh - Th..Mai	Văn CĐ - T. Nga
		4	Văn CĐ - Trang (V)	Anh - Th..Mai	Lí - Loan	Tin - M.Thu	Toán CĐ - Dũng	Lí - Sơn	GDKTPL - Hương	Toán - Loan (T)	Anh - Quyên	Tin - Th.Trúc	Toán - N.Hòa	Hóa - Q.Anh
		5												
	Chiều	1	HĐTN - Nhi						HĐTN - Y.Trang	Sử CĐ - Phùng			TD - Tú	
		2	GDQP - Thủy		Sử - Hậu		HĐTN - Hiếu		HĐTN - Y.Trang	TD - T.Hòa	Sử CĐ - Phùng		HĐTN - Hồ	
		3			TD - D. Phong		HĐTN - Hiếu		GDQP - Thủy		HĐTN - Nhi		HĐTN - Hồ	
		4					GDQP - Thủy				HĐTN - Nhi		Sử - Hậu	
		5												
Thứ 6	Sáng	1	Toán - Lan	Toán - Loan (T)	Anh - Hà	Văn - T. Nga	Hóa - Y.Trang	Toán - B.Thảo	Toán - N.Hòa	Văn - Uyên	Văn - V.Vinh	Địa - T. Thảo	Văn - My	Anh - Quyên
		2	Toán CĐ - Lan	Sinh - Hồ	Anh - Hà	Văn - T. Nga	Địa - Lý	Toán CĐ - B.Thảo	Toán - N.Hòa	Văn - Uyên	Văn - V.Vinh	Tin - Th.Trúc	Văn CĐ - My	Anh - Quyên
		3	Anh - Thành	Lí - Sơn	Tin - M.Thu	Hóa - N.Thanh	Văn - T. Nga	Hóa - Hằng	Hóa - Y.Trang	Tin - Th.Trúc	Toán - B.Thảo	Toán CĐ - Lan	CNCN - P.Thảo	Toán - Hồ
		4	Anh - Thành	Toán - Loan (T)	Toán CĐ - An (T)	Toán CĐ - Hồ	Văn - T. Nga	Tin - M.Thu	CNCN - P.Thảo	Lí - Hiếu	Tin - Th.Trúc	Văn - V.Vinh	Hóa - Hằng	Địa - T. Thảo
		5												
	Chiều	1												
		2												
		3												
		4												
		5												
Thứ 7	Sáng	1												
		2												
		3												
		4												
		5												
	Chiều	1												
		2												
		3												
		4												
		5												

Ngày	Buổi	Tiết	12.1	12.2	12.3	12.4	12.5	12.6	12.7	12.8	12.9	12.10	V-T1	V-T2	V-T3	V-T4	V-T5	V-T6	V-T7	V-T8	V-T9
Thứ 2	Sáng	1	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh	HĐTN - Q Anh									
		2	Sinh hoạt - Mỹ Linh	Sinh hoạt - K.Trang	Sinh hoạt - Tuyền	Sinh hoạt - N.Hòa	Sinh hoạt - Lai	Sinh hoạt - Hà	Sinh hoạt - Hương	Sinh hoạt - Dũng	Sinh hoạt - Duyên	Sinh hoạt - Thi									
		3	Toán - Hải	Toán CĐ - Dũng	Sinh - Vi	Toán CĐ - N.Hòa	Lí - K.Trang	Lí - T.Phong	Toán CĐ - Tuyền	Anh - Th..Mai	GDĐP - Trị	Anh - Quyên									
		4	Anh - Hiền	Sinh - Mỹ Linh	Anh - Hà	GDĐP - Trị	Toán CĐ - Thi	Văn - Thơm	GDKTPL - Hương	Toán CĐ - Dũng	Lí - T.Phong	Anh - Quyên									
		5	Toán - Hải	Lí - K.Trang	Anh - Hà	Toán - N.Hòa	Toán - Thi	Văn - Thơm	GDKTPL - Hương	GDKTPL - Th. Hằng	Địa - Chung	Sinh - Vi									
	Chiều	1	TD - Đức	TD - T.Hòa	HĐTN - Trị	Hóa CĐ - Lai		Văn CĐ - Thơm		TD - D. Phong	TD - Tú	Sinh CĐ - Vi									
		2	Văn CĐ - Thanh	Văn CĐ - Thơm	Lí CĐ - T.Phong	Tin - Q.Trúc	Hóa CĐ - Lai	Tin - M.Thu	CNNN - Trị	TD - D. Phong	TD - Tú	GDQP - Thủy									
		3	Tin - M.Thu	Lí CĐ - T.Phong	Tin - Q.Trúc	Văn CĐ - B.Vân	Văn CĐ - Duyên	TD - T.Hòa	CNNN - Trị	HĐTN - Q.Vinh	GDQP - Thủy	HĐTN - An (H)									
		4	Tin - M.Thu		TD - Đức		GDQP - Khiêm	TD - T.Hòa	Địa CĐ - Lý		Văn CĐ - Duyên	Văn CĐ - B.Vân									
		5																			
Thứ 3	Sáng	1	Văn - Thanh	Sinh - Mỹ Linh	Sinh - Vi	Toán - N.Hòa	Hóa - Lai	GDĐP - Trị	Văn - Linh	GDKTPL - Th. Hằng	Toán - Hải	Sử - Phước									
		2	Văn - Thanh	Hóa - Hằng	GDĐP - Trị	Hóa - Lai	Sử - Thảo	Địa - Lý	Hóa - Y.Trang	Toán - Dũng	GDKTPL - Th. Hằng	Sinh - Vi									
		3	Sinh - Mỹ Linh	Văn - Thơm	Văn - V.Vinh	Văn - B.Vân	Văn - Duyên	Hóa - Y.Trang	Địa - Lý	GDĐP - Trị	Toán CĐ - Hải	Hóa - Lai									
		4	Toán CĐ - Hải	Sử - Thảo	Hóa - Hằng	Lí - Sơn	GDĐP - Trị	Văn - Thơm	Sử - Phước	Văn - Thanh	Anh - Th..Mai	Văn - B.Vân									
		5																			
	Chiều	1											Toán B2 - Hải	Toán B2 - Dũng	Toán B2 - Tuyền	Toán B2 - N.Hòa	Toán B2 - Thi	Văn B2 - Thơm	Văn B2 - Linh	Văn B2 - Thanh	Văn B2 - Duyên
		2											Toán B2 - Hải	Toán B2 - Dũng	Toán B2 - Tuyền	Toán B2 - N.Hòa	Toán B2 - Thi	Văn B2 - Thơm	Văn B2 - Linh	Văn B2 - Thanh	Văn B2 - Duyên
		3											Văn B2 - Thanh	Văn B2 - Thơm	Văn B2 - V.Vinh	Văn B2 - B.Vân	Văn B2 - Duyên	Toán B2 - Thời	Toán B2 - Tuyền	Toán B2 - Dũng	Toán B2 - Hải
		4											Văn B2 - Thanh	Văn B2 - Thơm	Văn B2 - V.Vinh	Văn B2 - B.Vân	Văn B2 - Duyên	Toán B2 - Thời	Toán B2 - Tuyền	Toán B2 - Dũng	Toán B2 - Hải
		5																			
Thứ 4	Sáng	1	GDĐP - Trị	Toán - Dũng	Toán - Tuyền	Sử - Thảo	Lí - K.Trang	Anh - Hà	Sử - Phước	Văn - Thanh	Văn - Duyên	Văn - B.Vân									
		2	Sinh - Mỹ Linh	Văn - Thơm	Sử - Thảo	Anh - C.Vân	Địa - Lý	Anh - Hà	GDĐP - Trị	Văn - Thanh	Văn - Duyên	Văn - B.Vân									
		3	Sử - Thảo	Hóa - Hằng	Lí - Hiếu	Anh - C.Vân	Anh - Quyên	Toán - Thời	Văn - Linh	Sử - Phước	Địa - Chung	GDĐP - Trị									
		4	Văn - Thanh	GDĐP - Trị	Toán CĐ - Tuyền	Địa - Chung	Hóa - Lai	Toán - Thời	Văn - Linh	Lí - Hiếu	Sử - Phước	Toán - Thi									
		5																			
	Chiều	1	HĐTN - Mỹ Linh	Tin - Q.Trúc	HĐTN - Trị	GDQP - Khiêm	HĐTN - Lai	GDQP - Thủy	Văn CĐ - Linh	Sử CĐ - Phước	HĐTN - Q.Vinh	HĐTN - An (H)									
		2	HĐTN - Mỹ Linh	HĐTN - K.Trang	Tin - Q.Trúc	TD - Đức	HĐTN - Lai	Hóa CĐ - Y.Trang	HĐTN - Hương	Tin - M.Thu	HĐTN - Q.Vinh	CNCN - P.Thảo									
		3	Lí CĐ - T.Phong	HĐTN - K.Trang	Văn CĐ - V.Vinh	Tin - Q.Trúc	TD - D. Phong	Tin - M.Thu		HĐTN - Q.Vinh	Sử CĐ - Phước	CNCN - P.Thảo									
		4		GDQP - Khiêm		TD - Đức	Tin - Q.Trúc			Tin - M.Thu											
		5																			
Thứ 5	Sáng	1	Sử - Thảo	Anh - Hiền	Văn - V.Vinh	Văn - B.Vân	Văn - Duyên	Địa - Lý	Toán - Tuyền	Sử - Phước	Toán - Hải	Anh - Quyên									
		2	Lí - Sơn	Anh - Hiền	Văn - V.Vinh	Văn - B.Vân	Văn - Duyên	Anh - Hà	Toán - Tuyền	Toán - Dũng	Toán CĐ - Hải	Địa - Chung									
		3	Toán - Hải	Văn - Thơm	Toán - Tuyền	Địa - Chung	Sử - Thảo	Toán - Thời	Anh - C.Vân	Toán - Dũng	Văn - Duyên	Toán CĐ - Thi									
		4	Hóa - Hằng	Anh - Hiền	Anh - Hà	Sử - Thảo	Địa - Lý	Toán CĐ - Thời	Anh - C.Vân	Địa - Chung	GDKTPL - Th. Hằng	Toán - Thi									
		5																			
	Chiều	1							TD - T.Hòa	GDQP - Thủy											
		2							HĐTN - Hương	Văn CĐ - Thanh											
		3																			
		4																			
		5																			
Thứ 6	Sáng	1	Lí - Sơn	Toán - Dũng	Hóa - Hằng	Anh - C.Vân	Toán - Thi	Sử - Thảo	Địa - Lý	Lí - Hiếu	Anh - Th..Mai	Hóa - Lai									
		2	Hóa - Hằng	Toán - Dũng	Sử - Thảo	Hóa - Lai	Toán - Thi	Lí - T.Phong	Hóa - Y.Trang	Địa - Chung	Anh - Th..Mai	Sử - Phước									
		3	Anh - Hiền	Lí - K.Trang	Lí - Hiếu	Toán - N.Hòa	Anh - Quyên	Sử - Thảo	Toán - Tuyền	Anh - Th..Mai	Lí - T.Phong	Toán - Thi									
		4	Anh - Hiền	Sử - Thảo	Toán - Tuyền	Lí - Sơn	Anh - Quyên	Hóa - Y.Trang	Anh - C.Vân	Anh - Th..Mai	Sử - Phước	Địa - Chung									
		5																			
	Chiều	1	TD - Đức	Tin - Q.Trúc	GDQP - Khiêm	HĐTN - Q.Vinh	TD - D. Phong	HĐTN - Hà	TD - T.Hòa		Tin - M.Thu	TD - Tú									
		2	GDQP - Khiêm	TD - T.Hòa	TD - Đức	HĐTN - Q.Vinh	Tin - Q.Trúc	HĐTN - Hà	GDQP - Thủy		Tin - M.Thu	TD - Tú									
		3																			
		4																			
		5																			
Thứ 7	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

MAI LONG THỜI

A1	A2	A3	A4	A5	L1	L2	L3	L4	L5	H1	H2	H3	S1	S2	S3	D1	D2	GD	SINH	T-BDHSG	V-BDHSG	A-BDHSG	L-BDHSG	H-BDHSG	SI-BDHSG	TI-BDHSG	S-BDHSG	Đ-BDHSG	GD-BDHSG	MOS1	MOS2	MOS3	MOS4	MOS5
														Sử B2 - Thảo	Sử B2 - Phước				Sinh B2 - Mỹ Linh											Tin QT - Q.Trúc	Tin QT - Th.Trúc		Tin QT - M.Thu	
										Hóa B2 - Hằng	Hóa B2 - Lai	Hóa B2 - Y.Trang	Sử B2 - Thảo																		Tin QT - Th.Trúc		Tin QT - M.Thu	
									Lí B2 - Sơn									GDKTPL B2 - Hương												Tin QT - Q.Trúc		Tin QT - Th.Trúc		
					Lí B2 - Sơn	Lí B2 - K.Trang	Lí B2 - T.Phong	Lí B2 - Hiếu																										
Anh B2 - Hà	Anh B2 - Hiền	Anh B2 - Th..Mai	Anh B2 - C.Vân	Anh B2 - Quyên																														
																																		Tin QT - M.Thu
																																		Tin QT - M.Thu
																Địa B2 - Chung	Địa B2 - Lý															Tin QT - Th.Trúc		
																				Toán HSG 12 - Hải	Văn HSG 12 - B.Vân	Anh HSG 12 - C.Vân	Lí HSG 12 - T.Phong	Hóa HSG 12 - Hằng	Sinh HSG 12 - Mỹ Linh	Tin HSG 12 - Q.Trúc	Sử HSG 12 - Thảo	Địa HSG - Chung	GD HSG 12 - Hương					
																				Toán HSG 12 - Hải	Văn HSG 12 - B.Vân	Anh HSG 12 - C.Vân	Lí HSG 12 - T.Phong	Hóa HSG 12 - Hằng	Sinh HSG 12 - Mỹ Linh	Tin HSG 12 - Q.Trúc	Sử HSG 12 - Thảo	Địa HSG - Chung	GD HSG 12 - Hương					